

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2025

Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm, bà Phạm Thị Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Mùi Nái- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 689/2024/TLST-HNGĐ ng ày 20/12/2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phí Thị Kim D**, sinh năm 1993. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu V, phường Á, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Người được chị D ủy quyền giao, nhận văn bản: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Đoàn Văn V**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Khu V, phường Á, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phí Văn N**, sinh năm 1973 và bà **Phạm Thị D1**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt và đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các văn bản gửi cho Tòa án, nguyên đơn là chị Phí Thị Kim D trình bày: Chị và anh Đoàn Văn V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Á, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 18/9/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống khác nhau. Đầu năm 2024, chị đi lao động tại Đài Loan làm cho

mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Hiện vợ chồng không còn tình cảm nên chị khởi kiện xin ly hôn anh V.

Chị với anh V có hai con chung là Đoàn Đức Q- sinh ngày 01/01/2016 và Đoàn Thị Kiều M- sinh ngày 25/10/2017. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho tới khi thành niên và ủy quyền cho ông Phí Văn N, bà Phạm Thị D1 chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q, cháu M trong thời gian chị không có mặt ở Việt Nam. Chị và anh V tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung.

Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh Nguyễn Văn L đã thông báo cho chị D biết. Chị D giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc với Tòa án, bị đơn là anh Đoàn Văn V trình bày thống nhất với chị Phí Thị Kim D về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và con chung của vợ chồng. Mặc dù hai bên đã tìm nhiều biện pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Đầu năm 2024, chị D đi lao động tại Đài Loan dẫn đến vợ chồng không có điều kiện để gần gũi, quan tâm và chia sẻ với nhau các vấn đề của cuộc sống. Hiện cả hai bên đều xác định không thể đoàn tụ cùng nhau nên anh tự nguyện nhất trí ly hôn chị D. Anh nhất trí để chị D trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Đoàn Đức Q- sinh ngày 01/01/2016, Đoàn Thị Kiều M- sinh ngày 25/10/2017 và nhất trí để ông N, bà D1 chăm sóc hai cháu trong thời gian chị D không có mặt ở Việt Nam. Anh và chị D tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị D1 (mẹ đẻ của chị D) trình bày: Gia đình nhiều lần khuyên bảo, động viên nhưng anh V và chị D vẫn không khắc phục được mâu thuẫn dẫn đến tình cảm rạn nứt. Vì vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên được ly hôn. Từ khi chị D đi Đài Loan đến nay thì hai cháu Đoàn Đức Q, Đoàn Thị Kiều M vẫn luôn ở cùng vợ chồng bà. Bà đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị D được trực tiếp nuôi hai con chung và bà nhất trí chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu trong thời gian chị D không có mặt ở Việt Nam.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Phí Thị Kim D được ly hôn anh Đoàn Văn V. Giao hai con chung là Đoàn Đức Q- sinh ngày 01/01/2016 và Đoàn Thị Kiều M- sinh ngày 25/10/2017 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi thành niên. Tạm giao cháu Q, cháu M cho

ông Phí Văn N, bà Phạm Thị D1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị D không có mặt ở Việt Nam. Buộc chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn là chị Phí Thị Kim D hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Bị đơn là anh Đoàn Văn V hiện đang sinh sống tại thành phố H, tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Các đương sự được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Phí Thị Kim D và anh Đoàn Văn V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Á, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 18/9/2015. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Trình bày của các đương sự phù hợp với nhau nên có căn cứ xác định cuộc sống chung giữa chị D và anh V không hòa hợp do tính cách, quan điểm sống khác nhau. Thực tế đã một thời gian vợ chồng sống ly thân và không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Nhận thấy hôn nhân giữa chị D và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị D xin ly hôn anh V, anh V nhất trí ly hôn chị D nhưng vì các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên cần xử cho chị D được ly hôn anh V theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị D và anh V có hai con chung là Đoàn Đức Q- sinh ngày 01/01/2016, Đoàn Thị Kiều M- sinh ngày 25/10/2017. Các đương sự thống nhất giao hai con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi thành niên phù hợp với nguyện vọng của cháu Q, cháu M muốn ở cùng chị D; ông Phí Văn N, bà Phạm Thị D1 đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q, cháu M trong thời gian chị D không có mặt ở Việt Nam đều là tự nguyện nên được chấp nhận. Chị D, anh V tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu giải quyết nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phí Thị Kim D và anh Đoàn Văn V.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là Đoàn Đức Q- sinh ngày 01/01/2016 và Đoàn Thị Kiều M- sinh ngày 25/10/2017 cho chị Phí Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi thành niên.

Tạm giao cháu Đoàn Đức Q, cháu Đoàn Thị Kiều M cho ông Phí Văn N, bà Phạm Thị D1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị Phí Thị Kim D không có mặt ở Việt Nam.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phí Thị Kim D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0005430 ngày 20/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị D đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Ái Quốc, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thị Phương Thúy